TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày 26 - 9 - 2025
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hòe; Ông Y Lợi Êban.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 22/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-DS ngày 10/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Vũ T, sinh năm 1980, số CCCD: 066180009737.

Địa chỉ: Thôn M, xã Krông B, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt).*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, số CCCD: 031187013502; Ông Lưu Quốc Đ, sinh năm 1987, số CCCD: 035087006354.

Cùng địa chỉ: Số 23 Đinh Tiên H, Thôn H, xã Krông B, tỉnh Đắk Lắk *(đều vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị Vũ T, trình bày:

Ngày 20/7/2024 âl (ngày 23/8/2024 dương lịch) tôi có cho vợ chồng bà Nguyễn

Thị H và ông Lưu Quốc Đ vay số tiền 300.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/11/2024 âl (ngày 20/12/2024 dương lịch) sẽ trả lại số tiền đã vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 20%/năm. Đến hạn trả nợ thì ông Đ với bà H đã trả được 120.000.000 đồng tiền nợ gốc, trả lãi phát sinh đến ngày 22/3/2025. Còn nợ lại 180.000.000 đồng tiền gốc.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ phải trả cho tôi số tiền 186.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi sáu triệu đồng)*. Trong đó: tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 23/3/2025 đến ngày 23/5/2025, tính 20%/năm là 6.000.000 đồng. Yêu cầu bà H và ông Đ tiếp tục trả cho tôi tiền lãi từ ngày 24/5/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ có mặt tại nơi cư trú nhưng không hợp tác nên không thể làm việc được.

Tòa án đã thông qua dịch vụ bưu chính để tống đạt cho bà H và ông Đ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Cán bộ Tòa án đã trực tiếp đến nhà bà H tống đạt Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông qua thôn trưởng thôn H, xã Krông B giao biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H. Tuy nhiên, bà H và ông Đ đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Cán bộ Tòa án đến trực tiếp nhà bà H để tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà H và ông Đ không đến Tòa án để làm việc.

Theo biên bản xác minh nơi cư trú của bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ.

Xác minh tại Công an xã Krông B: Bà Nguyễn Thị H hiện đang có đăng ký hộ khẩu và thực tế sinh sống tại địa chỉ: số 23 Đinh Tiên H, thôn H, xã Krông B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: số 23 Đinh Tiên H, TDP H, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk). Trong hộ còn có các thành viên là các con của bà H, ngoài ra còn có ông Lưu Quốc Đ là chồng của bà H cũng đang thực tế sinh sống cùng với bà H tại địa chỉ nêu trên nhưng ông Lưu Quốc Đ không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Krông B mà đăng ký hộ khẩu tại xã Dang K, tỉnh Đắk Lắk.

Xác minh tại Công an xã Dang K: ông Lưu Quốc Đ hiện đang có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Dang K, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: Thôn M, xã Dang K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk). Ông Lưu Quốc Đ không sinh sống tại xã Dang K mà đang thực tế sinh sống với vợ con tại số 23 Đinh Tiên H, thôn H, xã Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Sau khi cho vay bà H và ông Đ trả gốc và lãi đầy đủ, đến ngày 22/3/2025 thì không trả nữa nên đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng bà H và ông Đ không trả. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà H và ông Đ phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể, theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu tính lãi 20%/năm, tại phiên tòa bà T chỉ tính lãi suất 10%/năm. Bắt đầu tính từ ngày quá hạn là ngày 23/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2025 là 187 ngày, với số tiền là 9.221.917 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/9/2025 là 189.221.917 đồng. Trong đó: nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi suất là 9.221.917 đồng. Bà T xin rút một phần yêu cầu đối với phần lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tống đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn không hợp tác, cố tình vắng mặt.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ có ký giấy vay nợ với bà T số tiền 300.000.000 đồng, đã trả được nợ gốc là 120.000.000 đồng và lãi đã trả đến ngày 22/3/2025. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà H và ông Đ không có ý kiến gì và cố tình vắng mặt

không hợp tác làm việc. Việc bà H và ông Đ có nợ bà T số tiền 180.000.000 đồng là có thực tế. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà H và ông Đ trả nợ là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi suất bà T tính 10%/năm là phù hợp với quy định nên đề nghị HĐXX chấp nhận, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.221.917 đồng. Tổng cộng là 189.221.917 đồng. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, do bà T xin rút tại phiên tòa.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa bà Đỗ Thị Vũ T với bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ vắng mặt lần thứ hai, quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt, tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 23/8/2024 dương lịch, bà Đỗ Thị Vu T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ vay số tiền 300.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2024 dương lịch sẽ trả lại số tiền đã vay. Đến hạn trả nợ thì ông Đ với bà H đã trả được 120.000.000 đồng tiền nợ gốc, trả lãi phát sinh đến ngày 22/3/2025. Còn nợ lại 180.000.000 đồng tiền gốc. Bà T cho rằng bà H và ông Đ vi phạm thời hạn trả nợ nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông Đ phải trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 10%/năm, tính từ ngày 23/3/2025 đến ngày 26/9/2025 là 9.221.917 đồng. Tổng cộng: 189.221.917 đồng.

Hiện nay bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu tại số 23 Đinh Tiên H, thôn H, xã Krông B, tỉnh Đắk Lắk, ông Lưu Quốc Đ đang có đăng ký hộ khẩu tại thôn M, xã Dang K, tỉnh Đắk Lắk nhưng thực tế sinh sống cùng bà H tại địa chỉ số 23 Đinh Tiên H, thôn H, xã Krông B, tỉnh Đắk Lắk và không có nơi ở nào khác. Tòa án đã thông qua dịch vụ bưu chính để tống đạt cho bà H và ông Đ văn bản tố tụng là Thông báo về việc thụ lý vụ án, có ông Lưu Quốc Đ ký nhận; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Cán bộ Tòa án đã trực tiếp đến nhà bà H tống đạt Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có bà H ký nhận; Thông qua thôn trưởng thôn H, xã Krông B giao biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà H. Tuy nhiên, bà H và ông Đ đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Như vậy, bà H và ông Đ đã biết rõ về nội dung vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng cố tình trốn tránh không hợp tác làm việc, bà H và ông Đ đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với tờ giấy ghi số tiền viết tay mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký, họ và tên của bà Đỗ Thị Vũ T, bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà H và ông Đ, bà H và ông Đ đã được tống đạt Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H, bà H và ông Đ không hợp tác và cũng không có ý kiến gì. Như vậy, xác định đó là chứng cứ hợp pháp và để chứng minh có việc bà H và ông Đ còn nợ tiền vay của bà T với số tiền là 180.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện bà T là hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất, bà T cho rằng có thỏa thuận lãi suất theo mức 20%/năm nhưng không ghi vào trong giấy ghi mượn tiền. HĐXX thấy rằng vào ngày 23/8/2024 dương lịch giữa bà T với bà H và ông Đ có ghi giấy mượn tiền, chỉ ghi số tiền mượn, thời hạn trả nợ nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể, trong giấy mượn tiền hẹn ngày trả nợ là 20/12/2024 dương lịch đến nay đã quá hạn, xác định bà H và ông Đ đã vi phạm hợp đồng nên bà T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận, bà H và ông Đ đã trả lãi đến ngày 22/3/2025, buộc bà H và ông Đ phải liên đới trả cho bà T tiền lãi suất tạm tính từ ngày 23/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2025) với

số tiền lãi là 9.221.917 đồng là phù hợp.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, do nguyên đơn xin rút yêu cầu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ phải liên đới chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch là (189.221.917đ x 5%) 9.461.095 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; 157; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; 241; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470; 288 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Vũ T, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Vũ T tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 26/9/2025 là 189.222.000 đồng *(Một trăm tám mươi chín triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng)* (lấy tròn số). Trong đó nợ gốc: 180.000.000 đồng; lãi suất tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2025) là 9.222.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu trả lãi suất 10%/năm, do nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Quốc Đ phải liên đới chịu 9.461.000 đồng *(Chín triệu bốn trăm sáu mốt nghìn đồng)* (làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Vũ T số tiền 4.650.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm sáu năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai số 0007440 ngày 02/6/2025. Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản bán được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 6 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Hồi